TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH KHÁNH HÒA** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 147/2023/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 04 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: ông Phan Ngọc N - sinh năm 1985
HKTT: 57^{A} đường T - phường P - thành phố N - Khánh Hoà
Chỗ ở hiện nay: tổ 14 C - phường V - thành phố N - Khánh Hòa.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1977;
Trú tại: 57^{A} đường T - phường P - thành phố N - Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn N và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Ngọc N và bà Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: ông N, bà H có một con chung Phan Anh K (sinh ngày 19/9/2010).

Sau khi ly hôn, bà H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phan Anh K đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Ông N cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*)/tháng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng nuôi con chung là tháng 4/2024.

Ông N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông N, bà H đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

- Về án phí: ông Phan Ngọc N nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (Trong đó có 75.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông N nộp thay cho bà H) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001888 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Ông N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Thị Mai Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố N;
- Các đương sự;
- UBND phường T - thành phố N - Khánh Hòa (giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 04/01/2013);
- Lưu hồ sơ.